

Chủ thể nhận thức trong triết học Immanuel Kant

Nguyễn Văn Hạnh^(*)

Tóm tắt: *Lý luận nhận thức Tây Âu giai đoạn trung cổ cho tới thế kỷ XVII đã lâm vào khủng hoảng do không đánh giá đúng vai trò của con người trong quá trình nhận thức; gán cho lý tính của con người quá nhiều thẩm quyền, cho rằng lý tính có thể nhận thức được cả những thực thể như vũ trụ, linh hồn bất tử và thượng đế; thậm chí còn đưa nhận thức của con người vào ngõ cụt của chủ nghĩa duy cảm và chủ nghĩa duy lý. Trước bối cảnh đó, nhà triết học cổ điển người Đức Immanuel Kant đã chủ trương xây dựng một nền triết học mới thông qua cách tiếp cận phê phán, đó là phê phán lý tính thuần túy, đưa lý tính con người về đúng giới hạn của nó. Để làm sáng tỏ điều này, bài viết tập trung phân tích quan điểm của Kant trong việc giải quyết cuộc khủng hoảng trong lý luận nhận thức ở Tây Âu thế kỷ XVII, XVIII và nêu bật các giai đoạn nhận thức của con người theo quan điểm của ông. Qua đó làm rõ giới hạn nhận thức ở con người mà Kant đã xác định.*

Từ khóa: Lý luận nhận thức, Chủ thể nhận thức, Immanuel Kant, Con người lý tính

Cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX nhiều nước Tây Âu đã chuyển sang chế độ tư bản chủ nghĩa, trong khi đó nước Đức vẫn là một quốc gia phong kiến lạc hậu. Trong bối cảnh đó, Immanuel Kant đã nổi lên như một trong những nhà khai sáng vĩ đại của dân tộc Đức. Qua những tác phẩm của mình, ông đã bộc lộ khát vọng tuyệt mỹ là thức tỉnh con người bằng trí tuệ. Kant nhận ra rằng chỉ có ánh sáng trí tuệ mới đủ sức mạnh giúp con người chống lại sự cuồng tín, giáo điều đã ăn sâu bám rễ trong đời sống nước Đức nói riêng và Tây Âu nói chung. Kant đã thực hiện một cuộc cách mạng trong triết học nói chung

và lý luận nhận thức nói riêng thông qua tác phẩm tiêu biểu “*Phê phán lý tính thuần túy*” của ông. Ở đây, con người được đề cập đến như là chủ thể của quá trình nhận thức. Trong lịch sử nhận thức và tự nhận thức của nhân loại, sự quan tâm đến chính con người, con người ý thức về bản thân mình đã có từ rất sớm, từ thời Socrates đã nói “*Con người hãy tự nhận thức chính mình*”, hay câu thần dụ trên đền thờ Apollo “*hãy tự biết mình*”, Protagoras “*Con người là thước đo của vạn vật*”,..., điều đó cho thấy đây là một vấn đề không mới. Tuy nhiên, việc thực hiện một cách chủ động, tự giác coi con người là chủ thể nhận thức, đồng thời dựa trên góc độ này để nghiên cứu sâu hơn về lý luận nhận thức, để giải thích mối quan

^(*) ThS., Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: nvhanhbc@gmail.com

hệ của con người với thế giới thì phải đến triết học cổ điển Đức mới đạt đến độ sâu sắc. Chỉ từ khi triết học Kant ra đời thì con người với tư cách là chủ thể nhận thức mới trở thành phạm trù trung tâm của mọi suy tư triết học, phương thức tư duy con người là chủ thể nhận thức mới trở thành nguyên tắc chủ đạo trong tư duy nghiên cứu triết học.

1. Cuộc “cách mạng Copernicus” trong phương pháp nhận thức của con người

Triết học lý luận của Kant chủ yếu đề cập đến vấn đề nhận thức luận, logic nhận thức với mục đích xây dựng nền tảng thế giới quan cho con người. Tác phẩm “*Phê phán lý tính thuần túy*” làm rõ năng lực nhận thức và kết cấu bên trong của chủ thể nhận thức (con người). Kant đã thấy rất rõ cả những điểm hợp lý lẫn tính chất giáo điều của triết học duy lý và tính chất hoài nghi thiếu cơ sở trong triết học theo kinh nghiệm luận. Những hạn chế này khiến nhận thức của con người trở nên mờ mịt. Trước thực trạng ấy, Kant đặt cho mình nhiệm vụ phân tích có phê phán năng lực nhận thức của con người, giải phóng khỏi nhận thức luận đang thống trị lúc đó, mà theo Kant là giáo điều. Ông chủ trương xây dựng một nền triết học mới thông qua cách tiếp cận phê phán.

Phê phán không phải là đả kích hay lên án, Kant định nghĩa ngắn gọn phê phán là đặt câu hỏi về mặt có hợp lý hay không. Lý tính ở đây hiểu theo nghĩa rộng là toàn bộ quan năng nhận thức của con người, bao gồm cả giác tính, năng lực phán đoán và lý tính hay lý trí. Lý tính bao trùm hai lĩnh vực: Lý tính lý thuyết và lý tính thực hành (đạo đức nhân sinh). Còn lý tính thuần túy là loại nhận thức hoàn toàn độc lập với kinh nghiệm. Lý tính dựa đơn độc vào chính mình một cách thuần túy, không dựa vào kinh nghiệm

nào tương chừng có thể đạt được những tri thức thực chất về những đối tượng vượt khỏi kinh nghiệm (vũ trụ xét như toàn thể, thượng đế, linh hồn bất tử và tự do). Nhận thức thường nghiệm (dựa vào kinh nghiệm) được kiểm tra dễ dàng vì nó giới hạn tri thức trong phạm vi kinh nghiệm. Ngược lại, tri thức thuần túy (độc lập với kinh nghiệm) không có cách gì để kiểm tra được ngoại trừ bằng các quy luật của logic học nói chung. Nhưng các quy luật này chỉ đảm bảo không mâu thuẫn về mặt hình thức, chứ không đảm bảo về nội dung, do đó sai lầm sẽ rất lớn khi lý tính tự vận hành độc lập. Bằng con đường tự vận hành của lý tính tưởng rằng rất vững chắc, người ta đi đến những luận điểm siêu hình học không có cơ sở. Nguy cơ này, theo Kant, cần phải được ngăn chặn, khắc phục bằng sự phê phán lý tính thuần túy, đó là: Thăm tra các quan năng nhận thức nói chung của con người và nhất là thăm tra, giới ước phạm vi của loại tư duy thuần túy độc lập với kinh nghiệm.

Kant coi lý tính như một tòa án thẩm định tất cả những tri thức mà con người có được từ trước đến nay, đó là công việc tự nhận thức chính mình; và hãy thiết lập một phiên tòa để vừa bảo vệ những yêu sách chính đáng, đồng thời bác bỏ mọi đòi hỏi không có cơ sở, không phải bằng những phán quyết độc đoán mà dựa trên các quy luật hằng cửu và bất di bất dịch của lý tính. Tòa án này không gì khác hơn là sự phê phán bản thân lý tính thuần túy. Phê phán ở đây cần được hiểu là phê phán quan năng lý tính nói chung đối với tất cả mọi nhận thức mà lý tính muốn vươn tới một cách độc lập với kinh nghiệm: “Lâu nay người ta giả định rằng mọi nhận thức của ta phải hướng theo đối tượng. Thế nhưng mọi nỗ lực dùng các khái niệm để xử lý đối tượng một cách tiên nghiệm hầu như qua đó mở rộng nhận thức của ta đều

đi đến thất bại...”, vì thế Kant giả định rằng, “các đối tượng phải hướng theo nhận thức của ta” (I. Kant, 2004, tr.44). Phương pháp đặt vấn đề này được Kant gọi là cuộc cách mạng Copernicus.

Với “*Phê phán lý tính thuần túy*”, Kant đã chứng minh - không phải bằng những chứng minh toán học mà ông đặt hết những tin tưởng vào tính khách quan, mà bằng con đường trung đạo của lý tính con người. Kant bày tỏ mong muốn thức tỉnh con người bằng lý tính. Sự thức tỉnh này xuất phát từ suối nguồn tự do và tự chủ của lý tính độc lập, ở đó mọi giáo điều, cuồng tín lý thuyết và những nghịch lý cần được chính con người tranh luận trở lại: “Sự phê phán với lý tính liễu lĩnh bay bổng bằng đôi cánh của chính mình, phải đi trước như là môn dự bị cho mọi hoạt động của lý tính, cả hai sẽ cùng tạo thành triết học với nghĩa đúng đắn và chân thực nhất của từ này. Con đường triết học phải đi là con đường của sự minh triết, đồng thời cũng là con đường của khoa học, mà một khi đã được khai phá sẽ không bao giờ để cho bị vùi lấp lại và làm cho ta lạc hướng” (I. Kant, 2004, tr.1185).

Cũng giống như triết gia người Pháp Descartes, Kant đi ngay vào chính sự, nhưng chính sự không phải là học thuyết này hay chủ nghĩa kia, mà chính là lý tính con người với tính cách nguồn gốc của mọi học thuyết và chủ nghĩa. Vấn đề Kant muốn giải quyết là: Theo khả năng tri thức của con người, thì có thể có khoa siêu hình học không? Nghĩa là con người có tri thức về những thực tại siêu hình như linh hồn và thượng đế không?

Như vậy, xuyên suốt tác phẩm “*Phê phán lý tính thuần túy*”, Kant đã đi tìm con đường nhận thức cho con người. Theo ông, con người không thể khur khur giữ phương pháp tư duy cũ (dựa vào kinh

nghiệm) mà cần dùng lý tính của chính mình thẩm định lại tất cả những tri thức nhân loại đã có, đồng thời khai phá những chân lý mà bấy lâu nay chúng ta chưa thấy được. Kant gọi đó là sự thức tỉnh, chính lý tính con người chứ không phải đẳng thượng đế tối cao nào phải lên đường truy tìm chân lý. Ông cũng không che giấu tham vọng dẫn dắt nhận thức con người đến sự thỏa mãn hoàn toàn: “Vậy chỉ con đường phê phán là còn để ngỏ. Nếu bạn đọc đã vui lòng quan tâm và kiên nhẫn cùng tôi đi suốt chặng đường, xin bạn đọc tự xét có thấy ham thích đóng góp phần mình để biến con đường mòn nhỏ hẹp này thành một đại lộ của tư duy, con đường mà hằng bao thế kỷ chưa khai phá được và hy vọng sẽ hoàn tất khi kết thúc thế kỷ này, nhằm mục đích đưa lý tính con người - từ chỗ khao khát hiểu biết và nỗ lực bao đời nay mà vẫn không thành công - đến sự thỏa mãn hoàn toàn” (I. Kant, 2004, tr.1191).

Kant đã tìm cách kết hợp chủ nghĩa duy cảm và chủ nghĩa duy lý trong học thuyết của mình. Ông khẳng định, có sự tồn tại cả hai nhánh cây nhận thức của nhân loại cùng phát triển, chúng có chung một gốc rễ nhưng chúng ta không biết cái gốc rễ ấy, đó là cảm tính (kinh nghiệm) và giác tính (khái niệm, phạm trù). Nhờ cảm tính mà đối tượng được đem lại cho ta, nhờ giác tính mà ta tư duy được về đối tượng. Con người để nhận thức được cần cả hai yếu tố cảm tính và giác tính: “Không có cảm năng, không đối tượng nào được mang lại cho ta, và không có giác tính không đối tượng nào được suy tưởng. Những tư tưởng không có nội dung thì trống rỗng, những trực quan không có khái niệm thì mù quáng” (I. Kant, 2004, tr.200).

Từ cách đặt vấn đề này, Kant không vội tìm hiểu đối tượng nhận thức mà ông

làm sáng tỏ trước tiên là chủ thể nhận thức, tức là nghiên cứu xem nhận thức của con người có quy luật nào để trả lời câu hỏi “Tôi có thể biết được cái gì?”. Theo ông, quá trình nhận thức của con người gồm ba giai đoạn: Cảm tính (cảm năng), giác tính (trí năng) và lý tính (lý năng). Cảm năng cho ta biết những gì kích động giác quan của ta. Trí năng cùng với cảm năng là nguồn gốc tri thức của ta về vạn vật, đồng thời là nguồn gốc của kinh nghiệm nói chung. Còn trí năng là khả năng suy luận phán quyết về những thực tại siêu hình. Kant gọi những quan niệm thuần túy của trí năng là phạm trù, của lý năng là ý tưởng. Phạm trù có công dụng cho việc nhận thức bằng kinh nghiệm, còn ý tưởng là loại nhận thức không cần đến kinh nghiệm. Không có sự phân biệt này thì sẽ không thể có khoa siêu hình học.

Để xây dựng khoa siêu hình học, Kant nhận định con người là một hữu thể có lý trí sinh hoạt trong tự nhiên, mọi hành vi của con người vừa chịu sự chi phối của luật tự nhiên tất định (vì hành vi con người ở trong thế giới hiện tượng), vừa chịu sự quyết định tự do của con người (xét con người như một chủ thể tự do có lý trí). Lý trí con người không có quyền sai khiến các quy luật tự nhiên theo mong muốn chủ quan của mình. Các quy luật tự nhiên được hoàn toàn đảm bảo trong sinh hoạt của con người. Tuy nhiên, con người có thể đặt hay không đặt những điều kiện cho các lực lượng tự nhiên hoạt động, có thể làm hay không làm những việc mà mình đã dự trù thấy hậu quả.

Con người tự do và biết mình được tự do, vì thế, con người không thể sinh hoạt một cách tất định như các vật thể vật lý và các loài động vật khác: “Con vật không bao giờ cảm thấy bơ vơ và không bao giờ khổ tâm vì những lưỡng lự, vì con vật sống theo bản năng tất định. Con người có

muốn sống như thế cũng không thể được, vì sẽ cảm thấy như thế chưa đủ với chức vụ làm người” (Trần Thái Đình, 2005, tr.74). Vì thế, con người không cảm thấy thỏa mãn trong thế giới của cảm giác. Lý trí con người không cam chịu như thế, nó muốn tìm lời giải đáp cho sự hiện hữu của vạn vật. Tức là lý tính con người không bằng lòng với thế giới hữu hình chỉ gồm toàn những hiện tượng, nó muốn làm sáng tỏ “cái gì đã kết nối toàn thể vũ trụ ở bên trong nó?”.

Con người trong triết học của Kant không phải là một thực thể thụ động bị chi phối bởi các thế lực siêu nhiên như thần thánh hay chúa trời, mà chính họ là chủ thể của quá trình nhận thức. Đây cũng là điểm xuất phát để Kant nghiên cứu về con người.

2. Quá trình nhận thức của con người với tư cách là chủ thể nhận thức

Kant cho rằng quá trình nhận thức của con người với tư cách là chủ thể nhận thức sẽ trải qua ba giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất là trực quan cảm tính, giai đoạn thứ hai là đi từ trực quan cảm tính đến giác tính (lý trí), giai đoạn thứ ba là lý tính.

Trực quan cảm tính

Trong giai đoạn đầu tiên của nhận thức - cảm tính, để nhận thức một cái gì đó trước hết ta cần nắm giác quan, Kant gọi là cảm năng. Cảm năng có thể được các đối tượng kích động và Kant gọi là “tính thụ nhận”. Các sự vật tác động vào giác quan của con người và con người nhận được là nhờ trực quan. Nếu không có trực quan sẽ không có tri thức về đối tượng. Bản chất của trực quan là cảm tính nhưng nó không đồng nhất với nhau. Nếu trực quan được hình thành từ kinh nghiệm thì cảm tính được hình thành từ cảm giác hậu nghiệm và các trực quan tiên nghiệm. Cảm tính là khả năng thu nhận biểu tượng

và phương thức để đối tượng được đưa đến cho ta và cũng từ đó mới có trực quan.

Trực quan có hai dạng: Trực quan kinh nghiệm và trực quan thuần túy. Trực quan kinh nghiệm là những trực quan có quan hệ với các đối tượng thông qua cảm giác, nó đưa lại cho ta những tri thức về tính vật chất của hiện tượng. Trực quan thuần túy là trực quan trong đó không có đối tượng của cảm giác. Hình thức của dạng trực quan này có sẵn trong ý thức của con người dưới dạng tiên nghiệm - đó là không gian và thời gian.

Theo Kant, không gian và thời gian là những hình thức chủ quan của ý thức con người và nó có tính chất tiên nghiệm (có trước kinh nghiệm): “Không gian không phải là một khái niệm thường nghiệm được rút ra từ khái niệm bên ngoài... Không gian không phải là khái niệm suy lý - hay như người ta quen nói - không phải là một khái niệm phổ biến về các quan hệ của sự vật nói chung, mà là một trực quan thuần túy” (I. Kant, 2004, tr.144-145). Không gian không phải là một quan niệm thường nghiệm, do kinh nghiệm tạo ra bởi vì bất cứ quan niệm nào của con người về sự vật đều giả thiết sự vật đó nằm trong không gian. Không gian được biểu hiện như một đại lượng có sẵn vô tận. Tính vô cùng vô tận của không gian biểu hiện ở chỗ, không gian chứa vạn vật trong vũ trụ và cảm tính của con người có thể cảm nhận được nó như một hình thức tiên nghiệm có sẵn trong ý thức con người, chứ không phải do kinh nghiệm mang lại.

Về thời gian, Kant cho rằng: “Thời gian không phải là một khái niệm suy lý, hay như người ta thường gọi, không phải là một khái niệm phổ biến mà là một mô thức thuần túy của trực quan cảm tính” (I. Kant, 2004, tr.156). Đối với thời gian,

Kant đưa ra những nhận định gần giống như không gian. Không gian không phải là một quan niệm thường nghiệm do kinh nghiệm đưa lại. Nếu không có không gian làm nền, thì con người không thể tri giác được các sự kiện trước sau, đồng thời, tiếp tục, “thời gian, tức cảm năng của ta, chính là tấm vải mà trên đó được dệt những biến chuyển ta nhận thấy nơi vạn vật” (Trần Thái Đình, 2005, tr.87). Vì vậy, thời gian không phải là một cái gì tự thân, hiện hữu, nó là cảm giác thuần túy có sẵn và đặt nền cho các hiện tượng của tâm linh. Thời gian cũng không phải là đặc tính của vạn vật trong tự nhiên. Thời gian được con người biểu tượng bằng một đường thẳng vô hạn, các biến cố đều nằm trên những quãng của đường thẳng này.

Kant cho rằng, mọi đối tượng của trực quan cảm tính đều nằm trong không gian và thời gian. Điều đó có nghĩa việc tri giác được các sự vật, hiện tượng trong không gian và thời gian là kết quả của hoạt động ý thức của con người. Theo nhà nghiên cứu Trần Thái Đình thì đối với Kant: “Không gian và thời gian tựa như những cái khuôn rỗng để lùa các hình hài, các ấn tượng, các trạng thái hỗn độn - đa dạng vào, rồi sau đó đúc chúng thành các cảm giác, các hình ảnh hay biểu tượng có tính xác định, tạo nên các sự vật hiện tượng của thế giới” (Trần Thái Đình, 2005, tr.139).

Tóm lại, Kant cho rằng bên ngoài chúng ta có các sự vật tồn tại khách quan. Các sự vật đó tác động lên các giác quan cảm tính của chúng ta với các ấn tượng, trạng thái hỗn độn - đa dạng. Chính những ấn tượng và trạng thái này là xuất phát điểm cho mọi tri thức của con người. Nhưng nếu chỉ dựa vào từng đó thì trong kinh nghiệm của bản thân con người mới chỉ cảm nhận được đối tượng đó tồn tại bên ngoài chúng ta mà chưa phân định được chúng cả về hình thức (không gian)

lẫn quá trình diễn biến (thời gian). Để thực hiện nhiệm vụ phân định đó cần có một năng lực tiên thiên sẵn có trong ý thức con người, năng lực đó biểu hiện trong không gian và thời gian. Nhờ đó con người mới thấy, mới cảm nhận được các sự vật, hiện tượng, các sự biến đổi của thế giới mà ta tiếp xúc trong kinh nghiệm cảm tính thường ngày. Tất nhiên, thế giới này trong quan niệm của Kant là thế giới hiện tượng.

Giác tính

Nhận thức của con người không dừng lại ở giai đoạn cảm tính mà cần tiếp tục ở giai đoạn giác tính. Bởi vì, những tri giác, những biểu tượng mà chủ thể có được trong giai đoạn nhận thức cảm tính chỉ có khả năng đem đến cho con người những tri thức riêng có tính ngẫu nhiên. Nhận thức của con người cần chuyển lên cấp độ cao hơn, đó là giác tính, mà công cụ của nó là các phạm trù giác tính thuần túy: “Giác tính không phải là quan năng của trực quan. Tuy nhiên, ngoài bằng trực quan ra không còn phương cách nhận thức nào khác hơn là bằng các khái niệm. Cho nên nhận thức của mọi giác tính - ít nhất là của giác tính con người - là một nhận thức bằng các khái niệm, không có tính trực quan mà là suy lý” (I. Kant, 2004, tr.229).

Ở trình độ này, giác tính (trí năng) chính là tư duy, với hệ thống các khái niệm và các phạm trù của mình - đã thực hiện các phán đoán để xây dựng đối tượng nhận thức. Đối tượng không phải là nguồn gốc của tri thức về nó dưới dạng các khái niệm, phạm trù. Mà ngược lại, chính các hình thức của giác tính, tức là các khái niệm và các phạm trù đã kiến tạo nên đối tượng của nhận thức.

Theo Kant, những phạm trù của tư duy không phải là sự tổng kết kinh nghiệm mà chỉ là những hình thức, thuần túy, chủ quan của tư duy. Quan niệm này

là cơ sở cho học thuyết của ông về tri thức tiên nghiệm. Kant tự đặt câu hỏi: “Thật có chăng một nhận thức độc lập với kinh nghiệm và với cả mọi ấn tượng của giác quan? Ta gọi các nhận thức như vậy là tiên nghiệm” (I. Kant, 2004, tr.78). Với ông, giác tính là nguồn gốc của tri thức tiên nghiệm có sẵn trong đầu óc con người không phụ thuộc vào kinh nghiệm: “Đòi hỏi phải có giác tính cho nên tôi phải xem quy luật của giác tính là tiền đề có sẵn ở trong tôi một cách tiên nghiệm trước khi các đối tượng được mang lại cho tôi, quy luật ấy được diễn tả trong các khái niệm tiên nghiệm, do đó mọi đối tượng của kinh nghiệm phải nhất thiết hướng theo và phải phù hợp với chúng” (I. Kant, 2004, tr.45). Cảm tính chỉ là nguồn gốc của tri thức về cái riêng, còn giác tính mới là nguồn gốc của tri thức về cái chung (cái phổ biến và tất yếu). Đối với Kant, phạm trù là khuôn vàng thước ngọc của tri thức con người, là khởi nguyên của tri thức, đó là những định luật con người phải noi theo trong mọi hành vi tri thức.

Thế giới tự nhiên, thực chất, là thế giới hiện tượng do ý thức con người sáng tạo ra, và có thể nhận thức được, tức là hiểu được những gì nằm trong phạm vi bao quát của hệ thống phạm trù tiên nghiệm vốn có ở con người: “Nhận thức tiên nghiệm chỉ liên quan đến hiện tượng là những gì xuất hiện ra cho ta và ta có thể buộc chúng phù hợp với các khái niệm do ta đặt vào nơi chúng” (Trần Thái Đình, 2005, tr.101-102). Theo Kant, khái niệm và phạm trù sở dĩ mang tính phổ quát và tất yếu, trước hết là vì chúng không phụ thuộc vào ý thức cá nhân (được hình thành bởi kinh nghiệm). Chúng chính là những hình thức siêu nghiệm của nhận thức. Tri thức, vì vậy, luôn là cơ sở (là chỗ dựa) cho chính nó. Nó có sẵn dưới dạng các tri thức siêu nghiệm, nó được làm giàu thêm,

được phát triển thêm cũng nhờ chính bản thân các tri thức kinh nghiệm và siêu nghiệm. Toàn bộ quá trình đó nằm ngoài và không phụ thuộc vào ý thức cá nhân, cá thể. Theo nghĩa ấy, Kant cho rằng tri thức con người có tính khách quan.

Lý tính

Các phạm trù của giác tính chỉ có thẩm quyền trong giới hạn của thế giới hiện tượng, mà không có khả năng thâm nhập vào thế giới “vật tự nó” (Ding an sich)^(*). Song, bản tính tự nhiên của tư duy con người luôn khao khát vươn tới nhận thức cái tối cao tuyệt đối. Để làm được điều đó, nhận thức con người phải vượt qua giác tính, tiến lên giai đoạn lý tính, với các công cụ nhận thức trừu tượng hơn, khái quát hơn - đó là các ý niệm. Lý tính theo nghĩa rộng là trí tuệ con người, theo nghĩa hẹp là giai đoạn cao nhất của quá trình nhận thức: “Tất cả nhận thức của ta khởi đầu từ các giác quan, rồi tiến lên giác tính và kết thúc ở lý tính. Ngoài lý tính không còn cái gì cao hơn nữa trong tinh thần con người để xử lý chất liệu của trực quan và đưa chúng vào sự thống nhất tối cao của tư duy” (I. Kant, 2004, tr.47). Trong quan niệm của Kant, lý tính điều chỉnh tri giác của con người trong suốt quá trình nhận thức, dẫn dắt tri giác vào khuôn khổ của các hình thức tất yếu và phổ quát của nhận thức, đối tượng của lý tính chính là giác tính: “Nếu giác tính là một quan năng tạo ra sự thống nhất cho những hiện tượng nhờ các quy luật, thì lý tính là quan năng tạo ra sự thống nhất cho những quy luật của giác tính dưới các nguyên tắc” (I. Kant, 2004, tr.593). Bằng cách đó, lý tính quy định tính khách quan của tri thức. Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra là, cái gì đã tạo ra khả năng đó của lý tính? Tại sao lý tính lại có thể đưa tri giác vào

các hình thức tiên nghiệm như vậy? Và cái gì đã gắn kết các phạm trù và các khái niệm vào một chỉnh thể trong hiện thực? Theo Kant, tất cả những thao tác đó là do đặc thù của chủ thể quy định. Nhà triết học duy lý vĩ đại này cho rằng, cơ sở sâu xa tạo nên sự thống nhất trong nhận thức luận (mà nếu thiếu sự thống nhất đó thì lý tính không thể thực hiện được chức năng của nó) đó là hành vi tự nhận thức của chủ thể: Cái tôi đang tư duy. Kant gọi hành vi này là sự thống nhất siêu nghiệm của tri giác hay sự kết hợp của các tri giác nằm ở ngoài giới hạn của kinh nghiệm.

Khi trình bày các quan niệm về lý tính, Kant đồng thời chỉ ra giới hạn nhận thức của con người. Ông cho rằng, con người chỉ nhận thức được thế giới hiện tượng, còn thế giới “vật tự nó” thì trí tuệ con người không thể vươn tới: “Vật tự thân - tuy tồn tại thực nơi bản thân nó - nhưng lại không được ta nhận thức. Bởi vì cái thúc đẩy chúng ta nhất thiết phải đi ra khỏi ranh giới của kinh nghiệm của mọi hiện tượng chính là cái vô điều kiện mà lý tính luôn đòi hỏi, xem nó là tất yếu nơi bản thân những vật tự thân, là đương nhiên gắn liền với mọi cái có điều kiện, qua đó chuỗi các điều kiện mới được hoàn tất trọn vẹn (cái vô điều kiện chỉ là đòi hỏi chủ quan của lý tính nhưng lại được lý tính xem là có thật nơi những sự vật là những vật tự thân)” (I. Kant, 2004, tr.597).

Kant cho rằng, lý tính con người có khát vọng nhận thức thế giới “vật tự nó” nhằm đạt tới trí tuệ tuyệt đối. Do vậy, xuất hiện những mâu thuẫn không giải quyết được mà ông gọi là các antinomie (nghịch lý). Đây không phải là mâu thuẫn logic bình thường mà nó có sẵn trong chính bản chất của con người. Ông đưa ra bốn nghịch lý, mỗi nghịch lý được cấu thành từ hai luận đề đối lập nhau, đó là chính đề và phản đề. Bốn mâu thuẫn này cũng

^(*) Một số tài liệu dịch là “Vật tự thân”.

chính là bốn câu hỏi chủ yếu về ý niệm vũ trụ như sau:

1) *Chính đề*: Thế giới có giới hạn trong không gian và thời gian; *Phản đề*: Thế giới là vô hạn trong không gian và thời gian.

2) *Chính đề*: Thế giới như chính thể phức tạp được cấu thành từ các bộ phận đơn giản; *Phản đề*: Thế giới không phân chia được, trên thế giới không có gì đơn giản cả.

3) *Chính đề*: Trong thế giới tự nhiên có mối liên hệ nhân quả, ngoài ra còn có cả tự do; *Phản đề*: Không có gì là tự do, mọi cái đều diễn ra theo các quy luật của tự nhiên.

4) *Chính đề*: Trong thế giới có tồn tại mối liên hệ tất yếu; *Phản đề*: Trong thế giới không tồn tại mối liên hệ tất yếu, mọi cái đều là ngẫu nhiên.

Theo Kant, hai nghịch lý đầu tiên có quan hệ với tính hữu hạn và vô hạn, đơn giản và phức tạp, thuộc về antinomie toán học. Còn hai nghịch lý sau có quan hệ với tự do và tất yếu, tất nhiên và ngẫu nhiên, thuộc về antinomie động lực học. Kant coi các antinomie này là các mặt đối lập biện chứng. Vì vậy, ông giải quyết như sau: Cả hai mặt chính đề và phản đề trong antinomie toán học đều sai, bởi vì đối với thế giới “vật tự nó” (nằm ngoài không

gian và thời gian) không thể áp dụng được giới hạn, vô hạn, thời gian, không gian. Còn đối với thế giới hiện tượng thì các tính chất này không được thể hiện một cách đầy đủ. Còn hai antinomie động lực học sau, nếu mặt nào trong mâu thuẫn đúng với thế giới hiện tượng thì sai với thế giới “vật tự nó” và ngược lại.

Từ đó, Kant đi đến kết luận nhận thức lý tính của con người không thể đạt tới thế giới “vật tự nó”. Tuy nhiên, ông cũng khẳng định dù không nhận thức được thế giới “vật tự nó” nhưng chúng ta vẫn có thể suy tưởng về nó.

Con người trong triết học của Kant trước hết là con người lý tính (hay con người với tư cách là chủ thể nhận thức) với niềm khao khát truy tìm chân lý vô biên với đầy đủ các công cụ để nhận thức: Cảm tính, giác tính và lý tính. Con người tham vọng đạt tới tri thức của siêu hình học như: linh hồn, thượng đế, vũ trụ nhưng phải dừng bước vì các đối tượng này thuộc thế giới “vật tự nó” - đây cũng là giới hạn của năng lực trí tuệ con người mà Kant xác định □

Tài liệu tham khảo

1. Trần Thái Đình (2005), *Triết học Kant*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. I. Kant (2004), *Phê phán lý tính thuần túy*, Nxb. Văn học, Hà Nội.